TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 9 - 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Kim Loan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Huỳnh Thị Như Thủy.

2/ Bà Đặng Thị Phương Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Nguyễn Như Dzoãn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 269/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt; ông C vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 04/5/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phan Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn C cưới nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 13/5/2010. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà và ông C không hợp nhau về lối sống, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng chị đã ly thân từ đầu năm 2021

đến nay. Nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Ngọc Thanh H1, sinh ngày 27/11/2013. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa giải ngày 28/8/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông không đồng ý ly hôn với bà Phan Thị H vì chưa giải quyết về nợ chung. Vợ chồng ông có cố đất cho bà L tại ấp N1, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp với số tiền 40.000.000 đồng. Hai bên có làm tờ cố đất, vợ chồng ông cùng ký, hiện bà L đang giữ. Ông và bà H có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1 số tiền 20.000.000 đồng. Nay, ông yêu cầu bà Phan Thị H trả 50% số nợ là 30.000.000 đồng thì ông mới đồng ý ly hôn. Ông sẽ cung cấp họ tên bà L trong 03 ngày kể từ ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của bà H, ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông C là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Bà H và ông C có 02 chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Ngọc Thanh H1, sinh ngày 27/11/2013. Hiện con chung đang sống cùng với bà H, cuộc sống sinh hoạt đã ổn định và cháu T, cháu H1 có nguyện vọng sống chung với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu T, cháu H1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng: Bà H chưa yêu cầu ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn C yêu cầu bà Phan Thị H phải cùng ông C trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng ông C không cung cấp họ, tên và địa chỉ cụ thể của chủ nợ. Mặt khác, ông C chưa có đơn yêu cầu giải quyết và đóng tạm ứng án phí để Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh ngày 13/02/2009 và Nguyễn Ngọc Thanh H1, sinh ngày 27/11/2013 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn C chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Phan Thị H chưa có yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu ông Nguyễn Văn C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Phan Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Văn C.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3 Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Bà Phan Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003392 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Phan Thị H đã thi hành xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Đ.
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan